

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-2025-XGV/Công Ty TNHH Nam Phương V.N/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

Địa chỉ: 124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84 28) 37963804

Fax: (+84 28) 37963805

E-mail: namphuongfood@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303205976

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 682449.

Ngày cấp chứng nhận: 02/02/2024.

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **XỐT GIA VỊ HOÀN CHỈNH BARONA – BÚN BÒ HUẾ**

2. Thành phần: Chiết xuất rau củ quả tươi (sả, tỏi, ớt, hành lá) 35,5 %, nước hầm xương bò 21,2%, muối i-ốt, nước mắm, chất điều vị (621, 631, 627, 640, 951), đường, dầu cò, mắm ruốc Huế, bột ngũ vị hương, màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất ổn định (415), chất điều chỉnh độ acid (330), chất chống oxy hóa (307b).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm Xốt Gia Vị Hoàn Chỉnh Barona – Bún Bò Huế được đóng gói trong bao bì nhôm tráng PE (có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm là lớp nhựa PE đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm) với khối lượng tịnh: 50 g, 80 g, 110 g, 200 g, 270 g, 350 g, 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, 6 kg hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

Sản phẩm Xốt Gia Vị Hoàn Chỉnh Barona – Bún Bò Huế sau khi đóng gói được đóng hộp giấy với quy cách 10 gói/hộp, 20 gói/hộp, sau đó đóng thùng carton với quy cách 12 hộp/thùng, 4 hộp/thùng hoặc tùy vào mục đích kinh doanh của công ty.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy: Lô C6-3HH, đường N9, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER

Địa chỉ: Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10^2
3	<i>E.coli</i>	MPN/g	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10^2
5	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^2

- Chỉ tiêu kim loại nặng Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm - Nhóm gia vị

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	5,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm - Nhóm gia vị

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	$\mu\text{g/kg}$	10
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	30

- Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm - Nhóm các loại gia vị

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Acephate	mg/kg	0,2
2	Azinphos-Methyl	mg/kg	0,5
3	Bromide Ion	mg/kg	400
4	Dichlorvos	mg/kg	0,1

5	Disulfoton	mg/kg	0,05
6	Hydrogen Phosphide	mg/kg	0,01
7	Methamidophos	mg/kg	0,1
8	Permethrin	mg/kg	0,05
9	Vinclozolin	mg/kg	0,05

- Chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y - Theo thông tư 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm (Nhóm thịt trâu, bò)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Albendazole	µg/kg	100
2	Amoxicillin	µg/kg	50
3	Benzylpenicillin/ Procaine Benzylpenicillin	µg/kg	50
4	Ceftiofur	µg/kg	1000
5	Chlortetracycline/ Oxytetracycline/ Tetracycline	µg/kg	200
6	Clenbuterol	µg/kg	0,2
7	Closantel	µg/kg	1000
8	Colistin	µg/kg	150
9	Cyfluthrin	µg/kg	20
10	Cyhalothrin	µg/kg	20
11	Cypermethrin và Alpha-cypermethrin	µg/kg	50
12	Danofloxacin	µg/kg	200
13	Deltamethrin	µg/kg	30
14	Dexamethasone	µg/kg	1
15	Dihydrostreptomycin/ Streptomycin	µg/kg	600
16	Diminazene	µg/kg	500
17	Doramectin	µg/kg	10
18	Eprinomectin	µg/kg	100
19	Febantel/Fenbendazole/Oxfendazole	µg/kg	100
20	Fluazuron	µg/kg	200

21	Flumequine	µg/kg	500
22	Gentamicin	µg/kg	100
23	Imidocarb	µg/kg	300
24	Isometamidium	µg/kg	100
25	Levamisole	µg/kg	10
26	Monensin	µg/kg	10
27	Moxidectin	µg/kg	20
28	Narasin	µg/kg	15
29	Neomycin	µg/kg	500
30	Pirlimycin	µg/kg	100
31	Ractopamine	µg/kg	10
32	Spectinomycin	µg/kg	500
33	Spiramycin	µg/kg	200
34	Thiabendazole	µg/kg	100
35	Tilmicosin	µg/kg	100
36	Trenbolone Acetate	µg/kg	2
37	Triclabendazole	µg/kg	250
38	Tylosin	µg/kg	100
39	Zeranol	µg/kg	2

- Chỉ tiêu dinh dưỡng – Theo thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị ghi nhãn	Khoảng dao động
1	Năng lượng	Kcal/100g	119	84 – 154
2	Hàm lượng carbohydrat	g/100g	7,1	5,0 – 9,2
3	Hàm lượng chất béo	g/100g	5,7	4,0 – 7,4
4	Hàm lượng chất đạm	g/100g	9,8	6,9 – 12,7
5	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	6,7	4,7 – 8,7
6	Hàm lượng chất béo bão hòa	g/100g	2,4	1,7 – 3,1
7	Hàm lượng Natri	mg/100g	7722	5483 - 9961

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Thông Tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC KHỐI NHÀ MÁY



ĐẶNG THỊ MỸ CẨM





- Xốt Gia Vị Hoàn Chính -

BÚN BÒ HUẾ

SAUCE FOR HUE STYLE BEEF NOODLES



Chiết xuất Rau củ quả tươi:
sả, tỏi, ớt, hành lá

BỮA SÁNG
tươi ngon



✓ Nấu ngon vị chuẩn
✓ Không cần nêm nếm

Hình ảnh mang tính chất minh họa cho sản phẩm/ Serving Suggestion

Khối lượng tịnh: 110 g / NET WT.3.88 OZ (110 g)



Xốt Gia Vị Hoàn Chính
BÚN BÒ HUẾ

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG trung bình trong 100 g

Năng lượng 119 (kcal)	Carbo- hydrat 74 (g)	Chất đạm 9,8 (g)	Đường tổng số 6,7 (g)	Chất béo bão hòa 2,4 (g)	Natri 772 (mg)
4	57 (g)	0	0	0	Na

Hướng dẫn sử dụng:

- Đun sôi 1,5 lít nước (hoặc nước hầm nạm bò).
- Cho 01 gói Xốt Gia Vị Hoàn Chính Barona - Bún Bò Huế vào và tiếp tục đun sôi.
- Cho bún, thịt, chả vào, thêm rau chần nước luộc, thêm rau răm và thưởng thức cùng rau ăn kèm.



Mách nhỏ

• Bổ sung sả, hành tây khi nấu nước dùng và hành thêm giò heo giúp món bún bò thêm hấp dẫn.
• Ngon hơn khi ăn kèm Sả tẻ.

Thành phần: Chiết xuất rau củ quả tươi (sả, tỏi, ớt, hành lá) 35,5%, nước hầm xương bò 21,2%, muối i-ốt, nước mắm, chất điều vị (621, 631, 640, 951), đường, dầu cò, mắm ruốc Huế, bột ngũ vị hương, màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất ổn định (415), chất điều chỉnh độ acid (330), chất chống oxy hóa (307b).

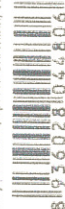
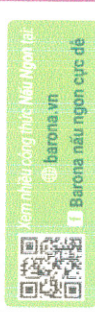
Thông tin cảnh báo: Dùng 1 lần sau khi mở bao bì.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin dị ứng: Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ cá và ruốc.

NSX:
HSD:

KHÔNG THÊM
CHẤT BẢO QUẢN*

Sản xuất bởi CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG VIN
124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Nhà máy: Lô C6-3HH, đường N9, KCN Tân Phú Trung, Xã Tề Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phân phối bởi CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER
Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1900 558856



Sản Xuất Tại Việt Nam



ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001

* Cam kết không thêm chất bảo quản trong quá trình sản xuất tại công ty.

GIÁM ĐỐC
KHỐI NHÀ MÁY



Đặng Thị Mỹ Cẩm